

NỘI DUNG ÔN TẬP GIẢI PHẪU SINH LÝ - LỚP YTTB

Câu 1 : Phần phình to nhất ống tiêu hoá là:

- A. Dạ dày
- B. Manh tràng
- C. Tá tràng
- D. Hỗng tràng

Câu 2 : Cơ quan lọc chất độc cho cơ thể:

- A. Gan
- B. Thận
- C. Tụy
- D. A, B đúng

Câu 3 : Dây thần kinh lang thang chi phối cơ quan nào sau đây:

- A. Dạ dày
- B. Phổi
- C. A và B đúng
- D. A và B sai

Câu 4 : Thức ăn chủ yếu được hấp thu ở:

- A. Miệng
- B. Ruột non
- C. Thực quản
- D. Dạ dày

Câu 5 : Thận có chức năng:

- A. Lọc chất độc
- B. Bài tiết nước tiểu
- C. Điều hòa huyết áp
- D. A, B, C đúng

Câu 6 : Gan và tụy là hai tạng thuộc:

- A. Ống tiêu hóa
- B. Tuyến tiêu hóa
- C. Hệ hô hấp
- D. Hệ tiết niệu

Câu 7 : Xương sườn nào được gọi là xương sườn cụt:

- A. Số 1 - 2
- B. Số 7 - 8
- C. Số 11 - 12
- D. Số 9 - 10

Câu 8 : Chức năng chủ yếu của gan là:

- A. Chuyển hóa các chất
- B. Hấp thu thức ăn
- C. Thải trừ chất cặn bã
- D. Tiêu diệt vi khuẩn gây bệnh

Câu 9 : Ruột non:

- A. Gồm 3 đoạn: tá tràng, hỗng tràng và hồi tràng
- B. Chức năng chủ yếu là hấp thu thức ăn
- C. A, B đúng
- D. A, B sai

Câu 10 : Xương thuộc vùng đầu:

- A. Xương bả vai
- B. Xương đòn
- C. Xương lá mía
- D. Xương sườn

Câu 11 : Xét nghiệm máu ông X thấy ở đĩa anti-A vỡ hồng cầu. Kết luận nào chính xác:

- A. Ông X nhóm máu A
- B. Ông X nhóm máu AB
- C. Ông X không phải nhóm máu O
- D. Một câu trả lời khác

Câu 12 : Xương thuộc vùng chi dưới:

- A. Xương sống
- B. Xương đòn
- C. Xương chày
- D. Xương sườn

Câu 13 : Ruột thừa nằm ở:

- A. Tá tràng
- B. Hỗng tràng
- C. Góc hồi manh tràng
- D. A, B, C đúng

Câu 14 : Khi xác định nhóm máu, máu nhóm AB gây vỡ hồng cầu ở đĩa có chứa:

- A. Anti-A
- B. Anti-B
- C. A và B đúng
- D. A và B sai

Câu 15 : Tuyến thượng thận nằm ở:

- A. Cực dưới của thận
- B. Cực trên của thận
- C. Bờ ngoài thận
- D. Bờ trong thận

Câu 16 : Lỗ tiểu có tên gọi khác là:

- A. Miệng sáo
- B. Lỗ sáo
- C. Âm đạo
- D. A, B đúng

Câu 17 : Răng sữa mọc đầu tiên là:

- A. Răng nanh hàm dưới
- B. Răng cửa hàm trên
- C. Răng cửa hàm dưới
- D. Răng nanh hàm trên

Câu 18 : Máu nhóm AB có thể truyền được cho nhóm:

- A. Người nhóm máu A
- B. Người nhóm máu B
- C. A và B đúng
- D. A và B sai

Câu 19 : Neuron thần kinh có đặc điểm:

- A. Có khả năng sinh sản khi trưởng thành
- B. Phần thân tạo thành chất xám
- C. A và B đúng
- D. A và B sai

Câu 20 : Bộ phận dẫn nước tiểu từ bàng quang ra đến lỗ tiểu là:

- A. Niệu đạo B. Túi tinh C. Niệu quản D. Ống dẫn tinh

Câu 21 : Nhóm máu AB:

- A. Có kháng thể anti-B B. Có kháng thể anti-A C. A và B đúng D. A và B sai

Câu 22 : Đoạn tiếp theo của thực quản là:

- A. Dạ dày B. Ruột non C. Môn vị D. Ruột già

Câu 23 : Dây thần kinh sọ não có đặc điểm:

- A. Bất chéo B. Đầu tận ở ngoại biên C. A và B đúng D. A và B sai

Câu 24 : Đây là những chức năng của xương, **NGOẠI TRỪ**:

- A. Tạo dáng B. Tạo máu C. Dẫn truyền luồng thần kinh D. Dự trữ chất khoáng

Câu 25 : điểm khác nhau giữa niệu đạo nam và nữ:

- A. Niệu đạo nam ngắn hơn nữ B. Niệu đạo nam chỉ là đường bài xuất nước tiểu
C. A, B đúng D. A, B sai

Câu 26 : Thành phần nào sau đây thuộc ruột non:

- A. Hồng tràng B. Manh tràng C. Đại tràng D. Trực tràng

Câu 27 : Chức năng chính của cơ:

- A. Dự trữ mỡ B. Ngăn vi khuẩn xâm nhập
C. Vận động và tạo dáng D. Dự trữ calci

Câu 28 : Cấu trúc nào nằm giữa dạ dày và thực quản:

- A. Tâm vị B. Bờ cong nhỏ C. Môn vị D. Hang vị

Câu 29 : Xương thuộc vùng cẳng chân:

- A. Xương thang B. Xương bánh chè C. Xương đe D. Xương mác

Câu 30 : Thành phần nào sau đây không thuộc đường dẫn khí:

- A. Thanh quản B. Phế quản gốc C. Phế nang D. Khí quản

Câu 31 : Cơ quan nào sau đây thuộc vùng bụng:

- A. Khí quản B. Phổi C. Dạ dày D. Tim

Câu 32 : Cơ trơn của cơ thể người có ở:

- A. Cơ khớp xương lớn B. Đầu, thân mình, tứ chi
C. Các khớp xương nhỏ D. Dạ dày, ruột

Câu 33 : Xương thuộc chi trên:

- A. Xương ức B. Xương sườn C. Xương đòn D. Xương sống

Câu 34 : Chức năng chính của bộ xương người:

- A. Dự trữ muối và nước B. Giúp đi lại và tạo dáng
C. Nâng đỡ và bảo vệ D. Dự trữ mỡ và nước

Câu 35 : Xé thức ăn là chức năng của:

- A. Răng nanh B. Răng tiền cối C. Răng hàm D. Răng cửa

Câu 36 : Cơ quan nào bình thường nằm bên phải của cơ thể:

- A. Tim B. Miệng C. Ruột thừa D. Mũi

Câu 37 : Động mạch chủ bụng dẫn máu đến:

- A. Vùng cánh tay B. Vùng khung chậu C. A và B đúng D. A và B sai

Câu 38 : Cơ thuộc vùng thân:

- A. Cơ nhai B. Cơ bám da cổ C. Cơ ngực D. Cơ dưới móng

Câu 39 : Dạ dày liên tiếp với thực quản bởi lỗ:

- A. Tâm vị B. Hành tá tràng C. Nhú tá bé D. Môn vị

Câu 40 : Đảo Langerhan có ở:

- A. Phổi** **B. Tụy** **C. Gan** **D. Tim**
- Câu 41 :** Trên thiết đồ cắt dọc tính từ trong ra, răng gồm các thành phần:
A. Tuỷ, ngà, men **B. Ngà, tuỷ, men** **C. Tuỷ, men, ngà** **D. Men, tuỷ, ngà**
- Câu 42 :** Gan có đặc điểm:
A. Là tạng đặc **B. Màu nâu sẫm** **C. A, B đúng** **D. A, B sai**
- Câu 43 :** Cơ vân của cơ thể người có ở:
A. Dạ dày, ruột **B. Cơ tim** **C. Đầu, thân mình, tứ chi** **D. Mạch máu**
- Câu 44 :** Cơ quan nào sau đây KHÔNG thuộc hệ tiết niệu:
A. Tiền liệt tuyến **B. Niệu đạo** **C. Thận** **D. Niệu quản**
- Câu 45 :** Đặc điểm nào đúng với vị trí của tim:
A. Đỉnh ngang liên sườn II **B. Đáy ngang liên sườn V**
C. A và B đúng **D. A và B sai**
- Câu 46 :** Tuyến lớn nhất trong cơ thể:
A. Tụy **B. Gan** **C. Tuyến nước bọt** **D. Tuyến thượng thận**
- Câu 47 :** Xét nghiệm máu ông X thấy chỉ có kháng nguyên A, máu bà Y có anti-B. Kết luận nào chính xác:
A. Máu bà Y luôn truyền được cho ông X **B. Bà Y nhóm máu A**
C. Máu ông X không truyền được cho bà Y **D. Một câu trả lời khác**
- Câu 48 :** Tuyến tiêu hóa gồm có:
A. Gan **B. Tụy** **C. Tuyến nước bọt** **D. A, B, C đúng**
- Câu 49 :** Khoảng cửa là tổ chức liên kết giữa các tiểu thùy của:
A. Tụy **B. Gan** **C. Phổi** **D. Thận**
- Câu 50 :** Xương thuộc vùng vai:
A. Xương bả vai và khớp **B. Xương cánh tay, khớp khuỷu**
C. Xương đòn và dây chằng **D. Xương đòn và xương bả vai**
- Câu 51 :** Tổng số răng của bộ răng vĩnh viễn là:
A. 32 cái **B. 20 cái** **C. 28 cái** **D. 12 cái**
- Câu 52 :** Xét nghiệm máu ông X thấy ở ở cả hai đĩa chứa anti đều bình thường. Kết luận nào chính xác:
A. Ông X nhóm máu A **B. Ông X nhóm máu B**
C. Ông X nhóm máu AB **D. Ông X nhóm máu O**
- Câu 53 :** Thành phần dẫn nước tiểu từ thận xuống bàng quang:
A. Niệu đạo **B. Niệu quản** **C. Bể thận** **D. Xoang thận**
- Câu 54 :** Cơ quan chính tiết ra men tiêu hóa thức ăn:
A. Tụy **B. Túi mật** **C. Dạ dày** **D. Các tuyến nước bọt**
- Câu 55 :** Thành phần nào sau đây có chức năng lọc nước tiểu:
A. Thận **B. Niệu đạo** **C. Bàng quang** **D. Tiền liệt tuyến**
- Câu 56 :** Xét nghiệm máu ông X thấy có kháng nguyên B, máu bà Y có anti-A. Kết luận nào chính xác:
A. Ông X nhóm máu B **B. Bà Y nhóm máu B**
C. Máu ông X truyền được cho bà Y **D. Máu bà Y truyền được cho ông X**
- Câu 57 :** Cơ thuộc vùng cổ:
A. Thái dương **B. Cơ may** **C. Ưc đòn chũm** **D. Lưng rộng**
- Câu 58 :** Xoang hàm trên thuộc vùng:
A. Xương thái dương **B. Xương trán** **C. Xương gò má** **D. Xương hốc mũi**
- Câu 59 :** Răng sữa được thay đầu tiên vào độ tuổi:
A. 2-3 tuổi **B. 3-4 tuổi** **C. 6-7 tuổi** **D. 4-5 tuổi**
- Câu 60 :** Vùng rỗng chính giữa thận gọi là:

- A.** Bao thận **B.** Bể thận **C.** Nhu mô thận **D.** Tủy thận
- Câu 61 :** Tổng số răng cối của bộ răng sữa là:
A. 8 cái **B.** 12 cái **C.** 6 cái **D.** 4 cái
- Câu 62 :** Phần dạ dày thông với tá tràng:
A. Môn vị **B.** Đáy vị **C.** Thân vị **D.** Tâm vị
- Câu 63 :** Đoạn ống tiêu hoá có hình chữ C là:
A. Tá tràng **B.** Manh tràng
C. Dạ dày **D.** Hồng tràng
- Câu 64 :** Xét nghiệm máu ông X thấy có kháng nguyên A, máu bà Y có anti-A. Kết luận nào chính xác:
A. Ông X nhóm máu A **B.** Bà Y nhóm máu B
C. Máu bà Y không truyền được cho ông X **D.** Máu ông X không truyền được cho bà Y
- Câu 65 :** Nước được hấp thu chủ yếu ở:
A. Ruột non **B.** Ruột già **C.** Manh tràng **D.** Dạ dày
- Câu 66 :** Chùm đuôi ngựa nằm ở đoạn nào của tủy sống:
A. Đoạn cổ **B.** Đoạn ngực **C.** Đoạn cùng, cụt **D.** Đoạn thắt lưng
- Câu 67 :** Đây là những bộ phận chính của hệ thần kinh, NGOẠI TRỪ:
A. Hệ thần kinh ngoại biên **B.** Hệ thần kinh chức năng
C. Hệ thần kinh trung ương **D.** Hệ thần kinh thực vật
- Câu 68 :** Đây là những tĩnh mạch ở vùng khuỷu tay thường ứng dụng để tiêm, truyền tĩnh mạch trên lâm sàng, NGOẠI TRỪ:
A. Tĩnh mạch cánh tay **B.** Tĩnh mạch trụ **C.** Tĩnh mạch nền **D.** Tĩnh mạch giữa
- Câu 69 :** Lớp trong cùng của thành tim là:
A. Nội tâm mạc **B.** Màng ngoài tim **C.** Màng trong tim **D.** Cơ tim
- Câu 70 :** Mạch máu nào thuộc hệ tiểu tuần hoàn:
A. Động mạch phổi **B.** Động mạch chủ **C.** Tĩnh mạch chủ **D.** Động mạch gan
- Câu 71 :** Trình tự trong chu chuyển tim:
A. Nhĩ thu-Thất thu-Trương toàn bộ **B.** Thất thu-Nhĩ thu-Trương toàn bộ
C. Trương toàn bộ-Thất thu-Nhĩ thu **D.** Một câu trả lời khác
- Câu 72 :** Dây thần kinh cảm giác vùng mặt:
A. Thần kinh số II **B.** Thần kinh số X **C.** Thần kinh số VII **D.** Thần kinh số V
- Câu 73 :** Mạch máu nào chứa nhiều CO₂ nhất:
A. Động mạch phổi **B.** Tĩnh mạch chủ **C.** Tĩnh mạch phổi **D.** Động mạch chủ
- Câu 74 :** Máu ở ngăn nào của tim đổ ra động mạch chủ:
A. Thất trái **B.** Nhĩ trái **C.** Thất phải **D.** Nhĩ phải
- Câu 75 :** Loại tế bào máu nào có nhân:
A. Hồng cầu **B.** Bạch cầu **C.** Huyết cầu **D.** Tiểu cầu
- Câu 76 :** Ngưỡng xác định mạch nhanh:
A. 110 lần/phút **B.** 100 lần/phút **C.** 90 lần/phút **D.** 80 lần/phút
- Câu 77 :** Nhóm máu “nhận vạn ứng”:
A. Nhóm B **B.** Nhóm AB **C.** Nhóm A **D.** Nhóm O
- Câu 78 :** Chức năng chính của tiểu cầu:
A. Vận chuyển O₂, CO₂ **B.** Đông máu **C.** Bảo vệ **D.** Điều nhiệt
- Câu 79 :** Dây thần kinh số VII:
A. Khứu giác **B.** Lang thang **C.** Thị giác **D.** Mặt
- Câu 80 :** Thần kinh gai sống có bao nhiêu đôi:
A. 28 **B.** 30 **C.** 26 **D.** 32

Câu 81 : Thần kinh sọ não có bao nhiêu đôi:

A. 10

B. 11

C. 9

D. 12

Câu 82 : Dây thần kinh số X:

A. Khứu giác

B. Thị giác

C. Mặt

D. Lang thang

Câu 83 : Máu từ tĩnh mạch phổi đổ vào:

A. Nhĩ trái

B. Nhĩ phải

C. Thất phải

D. Thất trái

Câu 84 : Mạch máu nào chứa nhiều oxy nhất:

A. Tĩnh mạch phổi

B. Động mạch phổi

C. Tĩnh mạch chủ

D. Động mạch chủ

Câu 85 : Hô hấp nội còn được gọi là:

A. Hô hấp chính

B. Hô hấp phổi

C. Hô hấp tế bào

D. Hô hấp phế nang

Câu 86 : Các “Trung tâm sống còn” nằm ở:

A. Cầu não

B. Tiểu não

C. Hành não

D. Trung não

Câu 87 : Chức năng chính của hồng cầu:

A. Bảo vệ

B. Vận chuyển O₂, CO₂

C. Đông máu

D. Điều nhiệt

Câu 88 : Máu từ tĩnh mạch chủ đổ về:

A. Nhĩ phải

B. Nhĩ trái

C. Thất trái

D. Thất phải

Câu 89 : Ngưỡng xác định mạch chậm:

A. 70 lần/phút

B. 60 lần/phút

C. 50 lần/phút

D. 55 lần/phút

Câu 90 : Cấu trúc nào nằm ở phía sau của não:

A. Cầu não

B. Hành não

C. Tiểu não

D. Trung não

Câu 91 : Dây thần kinh số I:

A. Vị giác

B. Thính giác

C. Thị giác

D. Khứu giác

Câu 92 : Dây thần kinh số II:

A. Khứu giác

B. Thính giác

C. Vị giác

D. Thị giác

Câu 93 : Đây là những thành phần chính của một phản xạ, NGOẠI TRỪ:

A. Neuron hướng tâm

B. Neuron trung gian

C. Neuron nhận cảm

D. Neuron ly tâm

Câu 94 : Neuron nào có chức năng vận động:

A. Neuron trung gian

B. Neuron hướng tâm

C. Neuron ly tâm

D. Neuron phân tích

Câu 95: Neuron nào có chức năng nhận cảm giác:

A. Neuron trung gian

B. Neuron ly tâm

C. Neuron hướng tâm

D. Neuron phân tích

Câu 96: Tiểu tuần hoàn còn được gọi là:

A. Tuần hoàn bàng hệ

B. Tuần hoàn mô

C. Tuần hoàn phổi

D. Tuần hoàn hệ thống

Câu 97: Chức năng chính của bạch cầu:

A. Điều nhiệt

B. Bảo vệ

C. Đông máu

D. Vận chuyển O₂, CO₂

Câu 98: Nhóm máu “cho vận ứng”:

A. Nhóm B

B. Nhóm O

C. Nhóm A

D. Nhóm AB

Câu 99 : Dây thần kinh số VIII:

A. Khứu giác

B. Thị giác

C. Lang thang

D. Thính giác